



líng yáng
羚羊

noun · antelope

Example Sentences

cǎo yuán shàng yǒu hěn duō líng yáng

草原上有很多羚羊。

There are many antelopes on the grassland.

líng yáng bēn pǎo de sù dù fēi cháng kuài

羚羊奔跑的速度非常快。

Antelopes run very fast.

zàng líng yáng shì zhōng guó tè yǒu de zhēn xī dòng wù

藏羚羊是中国特有的珍稀动物。

The Tibetan antelope is a rare animal unique to China.

Trace each character, then write the word on your own.

羚	羚	羚	羚	羚	羚	羚	羚	羚	羚	羚
羚	羚	羚								

羊	羊	羊	羊	羊	羊	羊	羊	羊		
